TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 436/2024/DS-PT
Ngày: 19 - 6 - 2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản; Yêu cầu hủy quyết định hành chính; Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi tài sản, yêu cầu hủy quyết định hành chính, tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1033/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết V, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1973 (có mặt);

2/ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh S: bà Trần Thị T, sinh năm 1972 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2/ Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D – Chủ tịch Quỹ tín dụng (vắng mặt)..

3/ Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn là bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2017 và những lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết V trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 24/2015/QĐST-DS ngày 14/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa thì bà V và bà T, ông S thống nhất bà T, ông S còn nợ của bà V số tiền 800.000.000 đồng. Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, bà V với ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị T thỏa thuận: Ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị T giao thửa đất số 858 tại huyện M để cấn trừ tiền thi hành án là 350.000.000đồng. Còn số tiền 450.000.000đồngông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị T thống nhất giao cho bà V sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 (theo giấy bán sạp ngày 06/8/2015). Ngày 23/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện T có Quyết định số 4403/QĐ-UBND về việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T, huyện T từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V. Tuy nhiên, ông S, bà T không giao sạp chợ cho bà V.

Do đó bà V khởi kiện yêu cầu ông S, bà T giao sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 (theo giấy bán sạp ngày 06/8/2015) và giữ nguyên Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T, huyện T từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị Tuyết V thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S tiếp tục thực hiện việc

giao sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 theo giấy bán sạp ngày 06/8/2015, yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển quyền sử dụng sạp chợ giữa bà và vợ chồng bà T vô hiệu. Bà V yêu cầu vợ chồng bà T trả cho bà số tiền thỏa thuận bán sạp chợ 450.000.000 đồng và tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 07/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính tiền lãi là 324.000.000 đồng, tổng cộng là 874.000.000 đồng.

Tại Đơn khởi kiện (phản tố) ngày 11/5/2018 vànhững lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T và ông S thừa nhận trước đây vợ chồng bà có thiếu nợ của bà Lê Thị Tuyết V số tiền 800.000.000 đồng và đã giao thửa đất số 858 tại huyện M để cấn trừ tiền thi hành án là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực chất bà T, ông S thỏa thuận với bà V, bà V lấy nền nhà trên để cấn trừ toàn bộ số tiền 800.000.000 đồng. Đối với giấy bán sạp ngày 06/8/2015: Bà T, ông S thừa nhận chữ ký trong giấy bán sạp là chữ ký của ông bà nhưng nội dung là do bà V ghi. Lý do ông bà ký giấy bán sạp là vào ngày 06/8/2015 bà V thương lượng với vợ chồng ông bà nếu đồng ý đưa sạp chợ 05-F bà V thì sẽ xóa hoàn toàn số nợ. Vào ngày 07/8/2015 hai bên đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa và được giải thích giấy chứng nhận sử dụng sạp chợ đã thế chấp cho Quỹtín dụng nhân dân thị trấn Thạnh Hóa nên không thể sang nhượng sạp,việc sang nhượng sạp không thành. Sau đó bà V và ông S, bà T thỏa thuận chuyển nhượng thửa 858 tại huyên M để cấn trừ hết số nợ 800.000.000 đồng, bà V mới tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án. Bà V đã rút đơn yêu cầu thi hành án năm 2015 nhưng năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện T quyết định giao sạp chợ từ bà T cho bà V là không đúng.

Mặt khác, hợp đồng không được công chứng, chứng thực do đó không có hiệu lực pháp luật. Sạp chợ trên là nguồn sống duy nhất của gia đình bà T, ông S. Bà T, ông S đã thế chấp sạp chợ cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T vay số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 03/10/2014. Do đó, bà T, ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi sạp chợ của bà Lê Thị Tuyết V, cũng không đồng ý trả số tiền 450.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm vì vợ chồng bà không còn nợ bà V.

Quyết định số 4403/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T ngày 23/8/2017 về việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T, huyện T từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V là không đúng quy định của pháp luật.Do đó bà T, ông S yêu cầu hủy Quyết định số 4403/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện T ngày 23/8/2017.

Đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T: Bà T đồng ýtrả số

tiền nợ gốc 17.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 64.023.300 đồng và lãi quá hạn 31.895.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 112.918.300 đồng theo yêu cầu của Quỹ tín dụngnhân dân thị trấn T. Do hiện tại vợ chồng bà T kinh tế đang gặp khó khăn nên xin được trả dần số nợ trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T (viết tắt là Quỹ tín dụng) do ông Nguyễn Văn D trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Bà Trần Thị T có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân trị trấn Thạnh Hóa 70.000.000 đồng vào ngày 03/10/2014, lãi suất vay là 1,6%/ tháng. Bà T có cầm cố cho Q tín dụng Quyết định về việc giao quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T số 3089/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện T ký ngày 25/10/2010 để đảm bảo nợ vay của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T. Tính đến ngày 07/5/2020 ông S, bà T trả được 53.000.000 đồng tiền gốc. Đến ngày 02/6/2023bà Tím, ông S còn nợ Quỹ tín dụng 17.000.000 đồng nợ gốc và 64.023.300 đồng lãi trong hạn, 31.895.000 đồng lãi quá hạn,tổng cộng vốn gốc và tiền lãi là 112.918.300 đồng. Quỹ tín dụng yêu cầu vợ chồng bà T trả số nợ trên, đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án cho Quỹ tín dụng nhân dân trị trấn Thạnh Hóa.

Việc Ủy ban nhân dân huyện T chuyển quyền sử dụng sạp chợ 05-F từ bà T sang cho bà V trong khi sạp chợ trên vợ chồng bà T đã thế chấp cho Q tín dụng vay tiền vào ngày 03/10/2014 là vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Quỹ tín dụng. Ông D yêu cầu hủy Quyết định 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Tại Văn bản số 732/CV-CCTHADS ngày 19/10/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An có ý kiến như sau:

Bà Lê Thị Tuyết V đã có đơn xin rút yêu cầu thi hành án số tiền 450.000.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ số 40/QĐ-CCTHADS ngày 07/8/2015 về việc đình chỉ số tiền 450.000.000 đồng là đúng theo quy định và bà Lê Thị Tuyết V không có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án trở lại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã ban hành Băn bản số 149/ĐN-CCTHADS ngày 19/4/2017 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T, các cơ quan Phòng kinh tế hạ tầng, Ban quản lý chợ T2 và Ủy ban nhân dân thị trấn T xem xét giải quyết cho chuyển quyền sử dụng vị trí sạp số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V, sau quyết định đình chỉ số 40/QĐ-CCTHADS ngày 07/8/2015của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh

Hóa với số tiền 450.000.000 đồng do bà Lê Thị Tuyết V làm đơn yêu cầu đình chỉ. Việc chuyển sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 từ bà Trần Thị T cho bà Lê Thị Tuyết V là do các bên đương sự tự thỏa thuận bên ngoài. Cho nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa có Băn bản số 149/ĐN-CCTHADS ngày 19/4/2017 là không có cơ sở.

Tại Văn bản số 4094/UBND-TH ngày 03/8/2022, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An có ý kiến như sau:

Việc Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 là trên cơ sở đề nghị của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, theo đó đề nghị Ủy ban nhân dân huyện X1 cho chuyển quyền sử dụng sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 theo Văn bản đề nghị số 149/ĐN-CCTHADS ngày 19/4/2017 và giấy bán sạp ngày 06/8/2015 giữa bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S và bà Lê Thị Tuyết V. Từ khi Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 đến nay, Ủy ban nhân dân huyện không nhận được bất cứ văn bản đề nghị nào của Chi cục Thi hành án dân sự huyện về thỏa thuận thi hành án giữa các đương sự; đồng thời cũng không nhận được đơn của bà T, ông S về vấn đề chuyển nhượng sạp. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 là đúng quy định.

Việc Tòa án nhân dân tỉnh Long An đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S về hủy Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T. Ủy ban nhân dân huyện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, Ủy ban nhân dân huyện sẽ căn cứ vào nội dung bản án của tòa để thực hiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố Giấy bán sạp (viết tay) ngày 06/8/2015 giữa bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S với bà Lê Thị Tuyết V đối với sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết V về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S. Buộc bà Trần ông T1 và ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết V số tiền 602.082.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết V về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S, số tiền 271.918.300 đồng (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, chín trăm mười tám nghìn ba trăm đồng).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S về việc hủy quyết định hành chính.

Hủy quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày23/8/2017 của Uỷ ban nhân dânhuyện Thạnh Hóa về việc chuyển quyền sử dụng sạp 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V.

5. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S.

5.1. Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền 112.918.300 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 17.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 64.023.300 đồng.

- Nợ lãi quá hạn: 31.895.000 đồng.

(Theo Hợp đồng tín dụng số 104/HĐTDngày 03/10/2014).

5.2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng cầm cố số 104/HĐCC ngày 03/10/2014 giữa bà Trần Thị T và Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T về việc bà T cầm cố choQuỹ tín dụng 01 Quyết định về việc giao quyền sử dụng sạpchợ Tuyên Nhơn, thị trấnThạnh Hóa số 3089/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/10/2010 cho bà Trần Thị T cho đến khi bà T và ông S thi hành án xong cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho Quỹ tín dụng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.Đối với người được thi hành án là bà Lê Thị Tuyết V, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà V cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5.3.Chấp nhận yêu cầu hủy quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày23/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T(yêu cầu này của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T trùng với yêu cầu của bị đơn và đã được hủy ở mục 4).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2023 bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S (có bà Trần Thị T đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì năm 2015 bà T đã trả cho bà V 450.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T đã sang nhượng 01 lô đất ở huyện M cho bà V để trả nợ nên bà T không còn nợ gì bà V.

Nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết V không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm do khi thi hành án năm 2015 thì bà T chỉ trả 350 triệu, còn 450 triệu đến nay bà T chưa trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, xin vắng mặt; Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn T, vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 24/2015/QĐST-DS ngày 14/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa thì bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S còn nợ của bà Lê Thị Tuyết V số tiền 800.000.000 đồng.

[3] Ngày 06/8/2015, ông S, bà T và bà V đã làm giấy bán sạp với nội

dung: Ông S, bà T bán cho bà V sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 (theo giấy bán sạp ngày 06/8/2015) với giá 450.000.000 đồng và 01 nền nhà ở xã T, huyện M thuộc thửa đất số 858 với giá 350.000.000 đồng. Tổng số tiền là 800.000.000 đồng. Giấy bán sạp có chữ ký của bà V, ông S, bà T.

Ngày 07/8/2015, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, các bên đã thỏa thuận: Ông S và bà T giao thửa đất số 858 tại huyện M để trừ tiền thi hành án là 350.000.000 đồng theo biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 07/8/2015; Còn số tiền 450.000.000 đồng, bà V có đơn rút đơn yêu cầu thi hành án. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận trên, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa đã ra quyết định đình chỉ thi hành án số 40/QĐCCTHADS ngày 07/8/2015 đối với số tiền 450.000.000 đồng. Ngày 23/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 4403/QĐ-UBND về việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T, huyện T từ bà T sang bà V.

[3] Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết V cho rằng thỏa thuận giữa ông S, bà T với bà V về việc trả số tiền 800.000.000 đồng như sau: Ông S, bà T giao thửa thửa đất số 858 để trừ số tiền 350.000.000 đồng, và giao sạp chợ số 05-F diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 để trừ số tiền 450.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu vợ chồng bà T giao sạp chợ số 05-F mà yêu cầu tuyên bố giao dịch chuyển nhượng sạp chợ ngày 06/8/2015 vô hiệu. Yêu cầu vợ chồng bà T trả số tiền 450.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 07/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[4] Xét, ngày 03/10/2014, bà T có vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T số tiền 70.000.000 đồng, và đã cầm cố cho Quỹ tín dụng Quyết định giao quyền sử dụng sạp chợ T2, thị trấn T số 3089/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 25/10/2010. Theo quy định tại Điều 310 Bộ luật dân sự 2015 thì hợp đồng cầm cố giữa bà T với Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T có hiệu lực pháp luật. Do đó, khi bà T bán sạp chợ Tuyên Nhơn cho bà V theo giấy bán sạp ngày 06/8/2015 mà không có ý kiến của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 312 Bộ luật dân sự năm 2015, vì vậy, giấy bán sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 ngày 06/8/2015 bị vô hiệu.

[5] Lỗi dẫn đến giao dịch dân sự vô hiệu là của bị đơn, vì bàTím, ông S bán sạp chợ cho bà V nhưng không thông báo cho bà V biết việc sạp chợ đang cầm cố cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T. Theo nội dung giấy bán sạp chợ ngày 06/8/2015 bà T và ông S thỏa thuận bán sạp chợ cho bà V để cấn trừ số tiền 450.000.000 đồng, nhưng trước đó bà T đã cầm cố quyền sử dụng sạp chợ cho Quỹ tín d để vay số tiền 70.000.000 đồng. Tính đến ngày 02/6/2023, bà T còn nợ Quỹ tín dụng tiền vốn gốc và lãi là 112.918.300 đồng, Quỹ tín dụng yêu cầu vợ chồng bà T trả số nợ trên, đồng thời tiếp tục duy trì hợp đồng cầm cố. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà V đối với

số tiền chênh lệch giá sạp chợ sau khi trừ số tiền vốn gốc và lãi trả cho Q tín dụng là có căn cứ.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 19/5/2023 của Công ty Cổ phần T3, giá trị quyền sử dụng sạp chợ E, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 có giá trị là 715.000.000 đồng. Bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền như sau: 715.000.000 đồng (giá trị sạp chợ theo kết quả định giá) – 112.918.300 đồng (số tiền gốc và lãi mà bà T còn nợ Quỹ tín dụng) = 602.081.700 đồng.

[6] Bị đơn kháng cáo cho rằng hai bên đã thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất số 858 để trừ hết số nợ 800.000.000 đồng và đã thi hành án xong, nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn tiếp tục thanh toán cho bà V và chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Xét thấy, bà T và ông S thừa nhận chữ ký trong giấy bán sạp chợ ngày 06/8/2015; Tại Biên bản giải quyết việc thi hành án ngày 07/8/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa (BL 237-238) thể hiện nội dung: Bà V thống nhất nhận phần đất tại thửa 858 với giá 350.000.000 đồng từ bà T, ông S… Về số tiền 450.000.000 đồng mà bà T, ông S phải trả theo quyết định thi hành án thì bà V thống nhất tự nguyện không yêu cầu; Ngày 19/10/2021 Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa có văn bản số 732/CV-CCTHADS xác nhận: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa đã ban hành văn bản số 149/ĐN-CCTHADS ngày 19/4/2017 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T, các cơ quan Phòng kinh tế hạ tầng, Ban quản lý chợ T2 và Ủy ban nhân dân thị trấn T xem xét giải quyết cho chuyển quyền sử dụng sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2 từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V sau khi có quyết định đình chỉ số 40/QĐCCTHADS ngày 07/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa với số tiền 450.000.000 đồng do bà Lê Thị Tuyết V làm đơn yêu cầu đình chỉ. Việc chuyển quyền sử dụng sạp chợ từ bà Trần Thị T sang bà Lê Thị Tuyết V là do các bên đương sự tự thỏa thuận bên ngoài. Do đó, Công văn số 149/ĐN-CCTHADS ngày 19/4/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa là không phù hợp với phân tích trên.

Như vậy, bị đơn cho rằng đã thanh toán hết số tiền 800.000.000 đồng thông qua việc chuyển nhượng thửa đất 858, nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc đề nghị hủy Quyết định số 4403/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, và yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn T thì bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về nội dung này nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh S và bà Trần Thị T, phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 02/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Áp dụng Điều 31, 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 166, 117, 122, 123, 131, 288, 309, 310, 312 Bộ luật Dân sự; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X:

1. Tuyên bố Giấy bán sạp (viết tay) ngày 06/8/2015 giữa bà Trần Thị T, ông Nguyễn Thanh S với bà Lê Thị Tuyết V đối với sạp chợ số 05-F, diện tích 6,5m^2 tại chợ T2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An là vô hiệu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết V về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S. Buộc bà Trần ông T1 và ông Nguyễn Thanh S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết V số tiền 602.082.000 đồng (Sáu trăm lẻ hai triệu, không trăm tám mươi hai nghìn đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết V về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S, số tiền 271.918.300 đồng (Hai trăm bảy mươi mốt triệu, chín trăm mười tám nghìn ba trăm đồng).

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị Tuyết V cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Thanh S mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số 0003583, 0003584 cùng ngày 15/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Long An (1);
– VKSND tỉnh Long An (1);
– Cục THADS tỉnh Long An (1);
– Các đương sự (6);
– Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 17b (PPC);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Nhựt Bình